

## YÊU CẦU VỀ NGUỒN ĐIỆN VÀ LẮP ĐẶT

Sinh nhiệt	Tối đa: 1012BTU / giờ
Yêu cầu về nguồn điện	Một ổ cắm điện dành riêng 1 pha 50/60 Hz, điện áp+/- 10%, 2+ đất tùy theo các quốc gia sau: <ul style="list-style-type: none"><li>• Mỹ / Canada: 120 VAC, 16A (ổ cắm yêu cầu: NEMA 5-20R)</li><li>• Nhật Bản: 200 VAC, 10A</li><li>• Quốc tế: 200-240 VAC, 10A; 110-120 VAC, 16A</li></ul>
Các yêu cầu lắp đặt và thao tác kỹ thuật (không gian có thể bị giảm nếu hệ thống có thể bị di chuyển để bảo trì)	<b>Cao:</b> tối thiểu 610 mm <b>Mặt trái:</b> <ul style="list-style-type: none"><li>• Lắp đặt trên bàn: tối thiểu 60 mm từ cạnh của máy tiệt khuẩn Sterrad</li><li>• Lắp đặt xe đẩy: tối thiểu 100 mm từ cạnh của xe đẩy</li></ul> <b>Mặt phải:</b> <ul style="list-style-type: none"><li>• Lắp đặt trên bàn: tối thiểu 610 mm từ cạnh máy tiệt khuẩn Sterrad</li><li>• Xe đẩy: tối thiểu 100 mm từ xe đẩy</li></ul> <b>Mặt sau:</b> tối thiểu 25,4 mm <b>Mặt trước:</b> tối thiểu 1000 mm từ mặt trước máy tiệt khuẩn Sterrad
Thông số kỹ thuật của kệ/bàn	Cấu trúc phải chịu được tối thiểu 182 kg và chiều sâu tối thiểu là 584 mm

## MÔI TRƯỜNG HOẠT ĐỘNG

Nhiệt độ	64 ° F – 95 ° F (18 ° C – 35 ° C)
Độ ẩm	10% – 85% RH (không có hơi nước ngưng tụ)

## KẾT NỐI MẠNG VÀ THU THẬP DỮ LIỆU

Thông tin chu trình, lưu trữ dữ liệu	Lịch sử chu trình, dữ liệu chu trình theo mỗi 1 - giây, và có thể báo cáo thông qua Công nghệ ASP ACCESS™
Kết nối mạng	Có thể tích hợp hệ thống tra cứu thiết bị (ITS) qua Công nghệ ASP ACCESS™
Lưu trữ dữ liệu	• Lưu trữ điện tử lên đến 50 chu trình • Có máy in tích hợp cho lưu trữ thủ công • Có thể truy xuất thông tin chu trình thông qua Công nghệ ASP ACCESS™

## THÔNG TIN ĐẶT HÀNG HỆ THỐNG

MÃ	MÔ TẢ SẢN PHẨM
10033-004	Hệ thống tiệt khuẩn nhiệt độ thấp công nghệ plasma STERRAD NX™ ALLClear™, chu kỳ TIÊU CHUẨN & NĂNG CAO, bao gồm việc lắp đặt
10311	Xe đẩy cho hệ thống tiệt khuẩn STERRAD NX với công nghệ ALLClear™
10133	Băng đựng hydrogen peroxide cho máy tiệt khuẩn STERRAD NX (5 băng/1 hộp)
113617-01	Bộ kit đọc mã vạch cho hệ thống STERRAD
10306	Hộp đựng vỏ băng cassette
10305	Giấy in nhiệt

**ASP** Advanced Sterilization Products



ASPAC LinkedIn

**ASP** Advanced Sterilization Products

© ASP 2021. All rights reserved. SG2340288-210722

**Bảo vệ bệnh nhân trong những thời điểm quan trọng nhất của họ™**

Công ty TNHH Sản Phẩm Khử Trùng Cao Cấp Việt Nam  
Địa chỉ: Số 11, Đường Đoàn Văn Bơ, Phường 13, Quận 4,  
Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Thông tin quan trọng: Trước khi sử dụng, hãy tham khảo hướng dẫn sử dụng đi kèm với thiết bị này để biết các chỉ định, chống chỉ định, cảnh báo và biện pháp phòng ngừa  
Tên sản phẩm được viết hoa là thương hiệu của ASP Global Manufacturing GmbH

CopyItem#000023-210923

# HỆ THỐNG STERRAD NX™ với Công nghệ ALLClear™



## CHỈ CẦN XẾP VÀ CHẠY

**Hiệu quả cao** Giảm gián đoạn chu trình làm việc  
**Kết nối tốt** Tăng cường sự tuân thủ một cách tự động\*  
**Dễ sử dụng** Thiết kế đơn giản, giảm khả năng xảy ra lỗi chủ quan

\* Hệ thống STERRAD™ với Công nghệ ALLClear™ có các tính năng có thể nâng cao sự tuân thủ, bao gồm tuân thủ tốt hơn các hướng dẫn sử dụng của máy và cải thiện công tác lưu trữ dữ liệu.

**Bảo vệ bệnh nhân ở những thời điểm quan trọng nhất™**

**ASP** Advanced Sterilization Products

© ASP 2021. All rights reserved. SG2340288-210722

## THÔNG SỐ KỸ THUẬT CỦA CHU KỲ

Chu kỳ	<b>Tiêu chuẩn:</b> Tiệt khuẩn hầu hết các dụng cụ phẫu thuật ngoại khoa. <b>Nâng cao:</b> Tiệt khuẩn những ống nội soi cứng đơn kênh hay 1 ống nội soi mềm đơn kênh.
Thời gian	<b>Tiêu chuẩn:</b> 28 phút <b>Nâng cao:</b> 38 phút
Yêu cầu lòng ống	<b>Tiêu chuẩn:</b> Ống thép không rỉ đơn kênh đường kính: $\geq 1$ mm; dài: $\leq 150$ mm hay đường kính: $\geq 2$ mm; dài: $\leq 400$ mm <b>Nâng cao:</b> Ống thép không rỉ đơn kênh đường kính: $\geq 1$ mm; dài: $\leq 500$ mm hay ống nội soi mềm PE/PTPE đơn kênh đường kính: $\geq 1$ mm; dài: $\leq 850$ mm

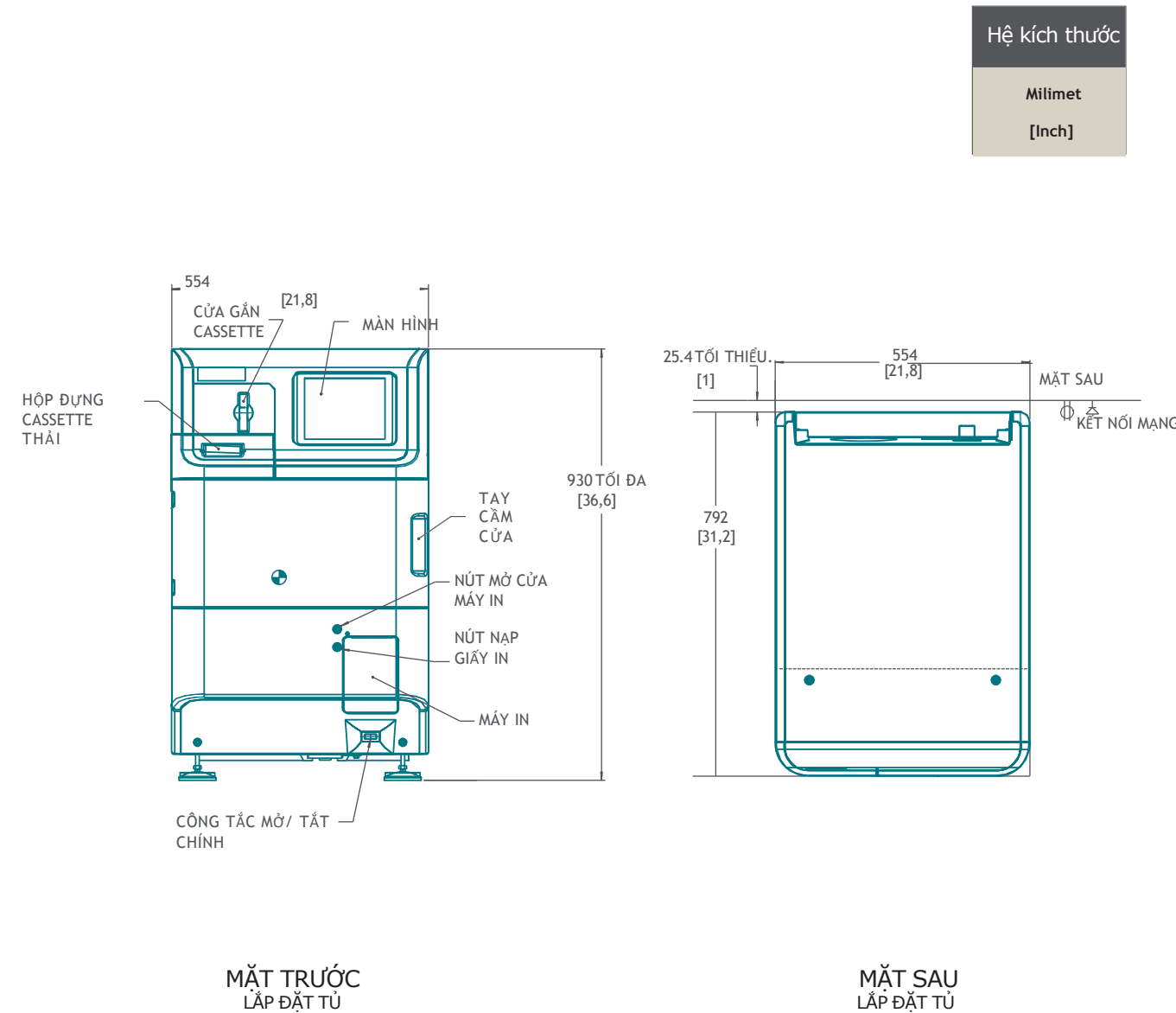
## THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Nhiệt độ chu kỳ	47 °C – 56 °C (116,6 °F – 132,8 °F)
Hoá chất tiệt khuẩn	Hydrogen peroxide
Hàm lượng chất tiệt khuẩn	Được vận chuyển trong một hệ thống khép kín trong băng hóa chất với việc kiểm soát hạn sử dụng tự động <b>Tiêu chuẩn/Nâng cao:</b> 3,6 ml trên 1 chu kỳ (2 lần nạp) (2 ô đựng hóa chất, mỗi ô chứa 1,8 ml)
Băng đựng hóa chất đã sử dụng	Hệ thống đẩy băng đựng hóa chất một cách tự động, không cần chạm đến hộp chứa băng hóa chất thải.
Loại bỏ tồn dư H <sub>2</sub> O <sub>2</sub>	Công nghệ plasma khí phá vỡ H <sub>2</sub> O <sub>2</sub> thành các thành phần an toàn là hơi nước và oxy.
Cấu hình	1 cửa
Kích thước hệ thống	<b>Chiều cao:</b> 930 mm <b>Rộng:</b> 554 mm <b>Sâu:</b> 792 mm <b>Chiều cao hệ thống + xe đẩy:</b> 1673 mm <b>Rộng:</b> 576 mm <b>Sâu:</b> 792 mm
Thể tích buồng	51.3 L
Kích thước buồng	<b>Ca:</b> 230,1 mm <b>Rộng:</b> 370,1 mm <b>Sâu:</b> 660,9 mm
Hình dạng buồng	Chữ nhật
Thông tin kỹ	<b>Kệ hai tầng: Rộng:</b> 312,8 mm <b>Sâu:</b> 600,3 mm
Tính lưu động (Xe đẩy)	4 bánh xe (tất cả đều có khoá)
Trọng lượng hệ thống	<b>Hệ thống:</b> 127,2 kg Xe đẩy: 65,3 kg
Giao diện	<b>Màn hình:</b> Cảm ứng điện dung, kích thước 8,4 inch. <b>Độ phân giải:</b> 800 x 600 điểm ảnh
Phụ kiện kèm theo	• Đầu đọc mã vạch • Kết nối bên ngoài: USB để truyền tải dữ liệu
Tiêu chuẩn / Tuân thủ	ISO 14937

## THÔNG SỐ QUÁ TRÌNH TIỆT KHUẨN

Quá trình tiệt khuẩn	Tiệt khuẩn tận gốc, chu trình kép để đảm bảo mức độ tiệt khuẩn (SAL) 10 <sup>-6</sup> với 2 lần tiệt hoá chất và phát plasma độc lập.
Nồng độ chất tiệt khuẩn trong băng đựng hóa chất	58% – 59,5%
Bộ giám sát chu kỳ tiệt khuẩn	Các thông số hệ thống quan trọng được theo dõi bởi các cảm biến gắn trong máy, chỉ thị sinh học, và chỉ thị hóa học; IMS (hệ thống theo dõi độc lập) có thể được gắn thêm theo tùy chọn
Hệ thống giám sát nồng độ H <sub>2</sub> O <sub>2</sub>	Giám sát nhờ cảm biến UV trong buồng tiệt khuẩn

## KHÔNG GIAN LẮP ĐẶT



## KÍCH THƯỚC HỆ THỐNG

